

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười lăm số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: OCH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng Đại diện của Công ty tại tầng 03 tòa nhà Grandeur Palace – Giảng Võ, 138 B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Tp Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười lăm là 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng).

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Hương Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên Ban kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Thành Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Dung Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Thành – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được lựa chọn soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Thành

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021





Số: 047/2021/BCSXHN – PB.00418

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 08 năm 2021, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như Công ty trình bày tại thuyết minh số 5.4(1), 5.5(1), 5.6.1(i), 5.15(ii) tại thời điểm 30/06/2021 Công ty có một số khoản nợ phải thu và khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với tổng số dư nợ gốc là 234.389.325.817 đồng, số dự phòng là 72.331.887.702 đồng, giá trị thuần của tài sản tương ứng sau trích lập dự phòng là 162.057.438.115 đồng. Chúng tôi chưa có đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá Giá trị thuần của các tài sản nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số dư nợ gốc và lãi của các khoản phải thu, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không.

Tại ngày 30/06/2021, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang là Công ty con của Công ty đang ghi nhận khoản phải thu đối với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Trảng Tiền Nha Trang với giá trị 162.200.000.000 đồng và lãi phát sinh tương ứng là 35.552.260.551 đồng. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang vẫn đang tiếp tục thực hiện các biện pháp để đôn đốc, thu hồi và đánh giá khả năng thu hồi khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày Tại thuyết minh số 5.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty đã nhận được văn bản của Cơ quan chức năng về việc "tạm dừng mọi biến động (giao dịch chuyển nhượng mua, bán, cho tặng, cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất..) đối với thửa đất số Lô 45-1, khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội". Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, Công ty vẫn đang làm việc với cơ quan chức năng để giải quyết vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2020 đã được Kiểm toán, soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ kết thúc tại ngày 30/06/2020 vào ngày 25/08/2020 và ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 vào ngày 30/03/2021.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.443.430.174.215	1.601.914.482.808
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	124.513.025.026	276.199.501.477
1. Tiền	111		83.919.504.079	104.482.757.104
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.593.520.947	171.716.744.373
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.14	278.989.844.600	257.679.359.615
1. Chứng khoán kinh doanh	121		47.724.923.959	47.316.589.659
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(79.359)	(79.359)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	231.265.000.000	210.362.849.315
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		768.155.852.994	801.462.852.555
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	44.574.255.086	48.183.889.524
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	323.037.727.333	373.236.995.563
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	204.327.733.073	204.327.733.073
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	1.138.443.962.796	1.117.960.382.657
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(946.237.555.950)	(946.237.555.950)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.009.730.656	3.991.407.688
IV/ Hàng tồn kho	140	5.8	253.007.628.863	248.722.282.987
1. Hàng tồn kho	141		253.007.628.863	248.722.282.987
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		18.763.822.732	17.850.486.174
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.758.002.712	2.414.872.234
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.873.234.501	5.009.384.633
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		12.132.585.519	10.426.229.307
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.223.718.757.228	1.106.600.543.090
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		2.570.847.500	1.767.643.923
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	8.825.931.064	8.022.727.487
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(6.255.083.564)	(6.255.083.564)
II/ Tài sản cố định	220		744.126.189.934	760.294.342.524
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.13	682.686.004.583	698.064.055.854
- Nguyên giá	222		1.013.048.087.616	1.016.801.337.708
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(330.362.083.033)	(318.737.281.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	61.440.185.351	62.230.286.670
- Nguyên giá	228		73.157.121.231	72.912.821.231
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.716.935.880)	(10.682.534.561)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.11	25.396.890.447	-
- Nguyên giá	231		36.155.810.460	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.758.920.013)	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		171.933.317.261	172.037.203.732
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	171.933.317.261	172.037.203.732
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.15	19.292.812.298	19.426.915.446
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		124.874.700.000	124.874.700.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(105.581.887.702)	(105.447.784.554)
VII/ Tài sản dài hạn khác	260		260.398.699.787	153.074.437.465
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	156.089.989.939	84.708.295.732
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		206.790.020	250.067.086
3. Lợi thế thương mại	269		104.101.919.828	68.116.074.647
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.667.148.931.443	2.708.515.025.898

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		974.253.010.248	960.055.613.780
I/ Nợ ngắn hạn	310		571.741.910.629	564.692.181.612
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.17	25.157.180.586	29.338.452.034
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.983.403.154	7.031.179.999
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	200.156.530.407	187.675.390.788
4. Phải trả người lao động	314		8.609.675.626	8.361.851.397
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	172.365.366.064	166.540.801.447
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.493.409.518	2.644.810.538
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	145.571.405.475	153.290.485.217
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		374.306.250	3.712.500
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		10.030.633.549	9.805.497.692
II/ Nợ dài hạn	330		402.511.099.619	395.363.432.168
1. Phải trả dài hạn người bán	331		3.922.928.954	3.922.928.954
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	182.097.076.222	174.949.408.771
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	153.301.588.029	153.301.588.029
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		63.189.506.414	63.189.506.414
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.692.895.921.195	1.748.459.412.118
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.21	1.692.895.921.195	1.748.459.412.118
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.983.002.620	4.983.002.620
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.738.272.189	19.738.272.189
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		6.329.814.592	6.329.814.592
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(427.046.064.425)	(381.424.495.585)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(388.367.091.226)	(679.806.303.827)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(38.678.973.199)	298.381.808.242
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		88.890.896.218	98.832.818.302
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.667.148.931.443	2.708.515.025.898



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	218.385.393.386	252.393.574.902
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	3.659.735.819	317.607.219
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.725.657.567	252.075.967.683
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	165.980.741.059	182.733.624.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.744.916.508	69.342.343.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.202.893.594	273.572.065.188
7. Chi phí tài chính	22	6.4	6.988.367.149	21.559.534.564
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.864.787.118	14.182.151.598
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	38.669.406.247	33.825.022.200
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	53.915.708.663	65.001.298.626
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(41.625.671.956)	222.528.552.913
12. Thu nhập khác	31	6.7	1.353.529.389	537.182.167
13. Chi phí khác	32	6.8	6.747.288.454	5.772.312.993
14. Lợi nhuận khác	40		(5.393.759.065)	(5.235.130.826)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(47.019.431.021)	217.293.422.087
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.978.463.027	4.697.372.942
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(23.981.541.715)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(48.997.894.048)	236.577.590.860
- LNST của cổ đông của công ty mẹ	61		(38.678.973.199)	257.294.877.704
- LNST của cổ đông không kiểm soát	62		(10.318.920.849)	(20.717.286.844)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(193)	1.282
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	(193)	1.282



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiêu	MS	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(47.019.431.021)	217.293.422.087
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18.811.823.120	31.808.621.353
- Các khoản dự phòng	03	504.696.898	6.962.127.985
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	7.698.217	(1.019.656)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.537.442.569)	(273.865.272.414)
- Chi phí lãi vay	06	8.864.787.118	21.292.005.292
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	(32.367.868.238)	3.489.884.647
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(29.498.778.610)	(44.707.434.939)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.285.345.876)	498.855.048
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	14.537.374.373	30.435.682.970
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(70.724.824.685)	(52.722.396.826)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(408.334.300)	(240.077.660)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.510.703.306)	(11.092.236.806)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(5.982.568.080)	(3.718.452.995)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(225.135.857)	(1.246.698.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(134.466.184.579)	(79.302.874.885)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.179.076.163)	(7.781.104.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.291.312.245	394.681.626
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(43.000.000.000)	(144.291.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.097.849.315	136.500.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	71.815.949.806
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.577.320.948	11.240.746.020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.212.593.655)	67.879.272.878
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(6.700.693.893)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(6.700.693.893)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(151.678.778.234)	(18.124.295.900)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	276.199.501.477	195.171.587.222
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.698.217)	1.019.656
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	124.513.025.026	177.048.310.978



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng – Thương mại Bảo Long, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000464 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2006, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười lăm số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 200.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: OCH

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng Đại diện của Công ty tại tầng 03 tòa nhà Grandeur Palace – Giảng Võ, 138 B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần mười lăm là 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn - Thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi;
- Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi./.

1.4 Nhân viên

Số lao động tại ngày 30/06/2021 là: 1.032 người (tại ngày 01/01/2021 là: 1.098 người)

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Do ảnh hưởng chung của dịch bệnh Covid-19 tới ngành du lịch tại Việt Nam, doanh thu và lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh khách sạn, du lịch tại các đơn vị thành viên trong Tập đoàn trong 6 tháng đầu năm 2021 đã sụt giảm đáng kể so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Ngày 23/6/2021, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 029.1/2021/NK19-24/NQ-HĐQT-OCH thông qua chủ trương đầu tư bất động sản khu công nghiệp dưới hình thức nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng.

1.6 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

1.8 Cấu trúc công ty

Công ty có các Công ty con được hợp nhất gồm:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tân Việt	51,42%	51,42%	Nha Trang	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Bánh Givral	99,68%	99,68%	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	79,26%	79,26%	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Đại Dương	94,00%	94,00%	Hà Nội	Truyền thông
Công ty TNHH MTV Sao Hòm Nha Trang	100,00%	100,00%	Nha Trang	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Kem Tráng Tiên (Công ty con của Công ty Cổ phần Bánh Givral)	99,66%	99,68%	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại bánh, kem
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng	99,00%	99,00%	Bắc Ninh	Cho thuê nhà xưởng Khu công nghiệp

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	49,10%	49,10%	Quảng Nam	Kinh doanh khách sạn;

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phần nắm giữ	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng	442.370	Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế, xây lắp;
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	375.000	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh kính mắt
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	7.424.100	Hà Nội	Đầu tư kinh doanh bất động sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Công ty thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ 30/06/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

1870
TY
IN
N VÀ
U
TP. H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết"

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư sau khi mua liên quan đến các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chương trình phần mềm, nhãn hiệu

Chi phí liên quan đến chương trình phần mềm, nhãn hiệu, website gồm: Nguyên giá của phần mềm, nhãn hiệu là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm, nhãn hiệu, website OCH được khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán Bravo 7.0	05
Nhãn hiệu OCEAN HOSPITALITY	10
Nhãn hiệu STARCITY HOTEL	10
Website OCH	05

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khác... và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Các chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm: Chi phí cải tạo văn phòng, chi phí đồ dùng văn phòng, ... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.12 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng về bảo hành công trình thi công, được lập cho từng công trình thi công có cam kết bảo hành. Mức trích lập dự phòng bảo hành không quá 05% trên tổng giá trị công trình thi công có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình thi công không sử dụng hoặc sử dụng không hết được khi nhận vào thu nhập khác.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.17 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	31.537.120.173	31.282.560.359
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.382.383.906	73.200.196.745
Các khoản tương đương tiền (i)	40.593.520.947	171.716.744.373
Cộng	124.513.025.026	276.199.501.477

(i) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng có giá trị 40.593.520.947 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất theo kỳ hạn tương ứng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	231.265.000.000	231.265.000.000	210.362.849.315	210.362.849.315
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	231.265.000.000	231.265.000.000	210.362.849.315	210.362.849.315
Cộng	231.265.000.000	231.265.000.000	210.362.849.315	210.362.849.315

(i) Tại ngày 30/06/2021, đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 1 năm có giá trị 231.265.000.000 VND được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất theo kỳ hạn tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	565.090.675	-	565.090.675	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	565.090.675	-	565.090.675	-
Các bên khác	44.009.164.411	(14.459.209.745)	47.618.798.849	(14.459.209.745)
Công ty TNHH An Việt Hà Nội (i)	12.611.257.261	-	12.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Mika	6.647.496.885	(6.647.496.885)	6.647.496.885	(6.647.496.885)
Các khoản phải thu khách hàng khác	24.750.410.265	(7.811.712.860)	28.371.301.964	(7.811.712.860)
Cộng	44.574.255.086	(14.459.209.745)	48.183.889.524	(14.459.209.745)

(i) Theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất số 2812/2020/HĐCNTS/OCH-AV ngày 28/12/2020 giữa Bên chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH (bên A) và Bên nhận chuyển nhượng: Công ty TNHH An Việt Hà Nội (bên B). Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản Nhà xưởng tại thửa đất số Lô 45-1 Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bên A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM665261 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 28/07/2008 và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp điều chỉnh ngày 18/06/2018.

Ngày 27/01/2021, Công ty đã nhận được văn bản của Cơ quan chức năng về việc "tạm dừng mọi biến động (giao dịch chuyển nhượng mua, bán, cho tặng, cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất..) đối với thửa đất số Lô 45-1, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên khác	323.037.727.333	(415.235.235)	373.236.995.563	(415.235.235)
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (1)	38.567.900.000	-	38.567.900.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà tại Công ty con Sao Hùm Nha Trang (2)	138.324.122.712	-	138.324.122.712	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà tại Công ty con Viptour - Togi (3)	43.284.161.557	-	43.284.161.557	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Phúc Trường	6.000.000.000	-	57.629.897.595	-
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Xây dựng Key Group	45.289.459.760	-	60.289.459.760	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)	-	-	21.420.380.800	-
Công ty TNHH Sản xuất & dịch vụ in bao bì Tâm Bảo	10.437.400.000	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	41.134.683.304	(415.235.235)	13.721.073.139	(415.235.235)
Cộng	323.037.727.333	(415.235.235)	373.236.995.563	(415.235.235)

(1) Đây là khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng 3.853.010 cổ phần của Công ty Cổ phần Viptour - Togi, tương ứng với 19% số cổ phần còn lại trong Công ty con này của Công ty, trong đó bao gồm số tiền: 18.267.900.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank). Tại ngày 30/08/2016, Công ty đã có biên bản làm việc với Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư về việc đồng ý chấm dứt hợp đồng chuyển nhượng, Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư có trách nhiệm hoàn trả lại tiền và sử dụng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Viptour - Togi làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả tiền của Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư.

(2) Khoản ứng trước cho nhà thầu thi công Công trình Khách sạn Star City Nha Trang. Công trình đã hoàn thành và đưa vào hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/2016. Hiện nay, Công ty vẫn đang đơn đốc thực hiện quyết toán với tổng thầu - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà và các nhà thầu khác có liên quan.

(3) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà được ghi nhận với giá trị 43.284.161.557 đồng theo hợp đồng nguyên tắc ngày 22/10/2010 về thi công dự án StarCity Westlake Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	34.727.733.073	-	34.727.733.073	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (1)	34.727.733.073	-	34.727.733.073	-
Các bên khác	169.600.000.000	(7.400.000.000)	169.600.000.000	(7.400.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang (2)	162.200.000.000	-	162.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Robot Tosy	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông TV Shopping	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.400.000.000	(1.400.000.000)
Cộng	204.327.733.073	(7.400.000.000)	204.327.733.073	(7.400.000.000)

(1) Đây là khoản tiền hỗ trợ vốn của Công ty Cổ phần Viptour-Togi - Công ty con của Công ty OCH cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, lãi suất cố định là 10%/năm. Căn cứ Biên bản thỏa thuận về cam kết thực hiện nghĩa vụ và thỏa thuận bù trừ nghĩa vụ thanh toán công nợ các bên ngày 05/02/2016 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương và Công ty Cổ phần Viptour-Togi thì Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương sẽ dùng quyền thu hồi khoản tiền thoái vốn từ dự án Lega Fashion House để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán khoản hỗ trợ vốn này.

(2) Đây là khoản tiền Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang - Công ty con của Công ty chuyên cho Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang vay. Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang đang làm việc với Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang và các bên có liên quan để có biện pháp đơn đốc, thu hồi đối với khoản công nợ nêu trên. Khoản lãi phải thu tương ứng với số dư nợ gốc này là 35,552 tỷ đồng được theo dõi trên khoản mục phải thu khác. Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu đối với khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.6 Phải thu khác

5.6.1 Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	1.821.998.626	-	2.053.524.788	-
Ông Hà Trọng Nam (1)	586.131.347.928	(586.131.347.928)	586.131.347.928	(586.131.347.928)
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (2)	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
Công ty TNHH VNT (3)	201.200.820.000	(201.200.820.000)	201.200.820.000	(201.200.820.000)
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An	21.106.666.666	(21.106.666.666)	21.106.666.666	(21.106.666.666)
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	33.921.355.734	-	33.921.355.734	-
Phải thu ứng tiền cho các cá nhân tại Công ty Viptour-Togi	46.240.000.000	(46.240.000.000)	46.240.000.000	(46.240.000.000)
Phải thu Bà Nguyễn Thị Dung (i)	53.200.000.000	-	53.200.000.000	-
Phải thu lãi cho vay Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang	35.552.260.551	-	35.552.260.551	-
Lãi hỗ trợ vốn phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (Khoản hỗ trợ vốn tại Công ty Viptour-Togi) (i)	17.324.692.988	-	17.324.692.988	-
Công ty CP Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư - IOC	14.591.642.060	-	14.591.642.060	-
Phải thu khác (i)	70.558.733.797	(8.636.751.593)	49.843.627.496	(8.636.751.593)
Cộng	1.138.443.962.796	(920.110.030.633)	1.117.960.382.657	(920.110.030.633)

(1) Khoản phải thu của Ông Hà Trọng Nam

Khoản ứng trước cho Ông Hà Trọng Nam (Bên liên quan trước đây của Công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25 tháng 10 năm 2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền từ một nhóm cổ đông do Ông Hà Trọng Nam làm đại diện. Tại ngày 05 tháng 06 năm 2015, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 05 với Ông Hà Trọng Nam. Theo đó, hai bên thỏa thuận dừng thực hiện chuyển nhượng cổ phần và Ông Hà Trọng Nam có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ gốc và lãi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày ký kết phụ lục.

Khoản phải thu gốc và lãi phải thu đã được trích lập dự phòng 100% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2015. Công ty đã yêu cầu Ông Hà Trọng Nam bổ sung tài sản dùng để đảm bảo cho khoản công nợ phải thu. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo, ông Hà Trọng Nam chưa thực hiện theo quy định và chưa hoàn trả thêm khoản công nợ này.

(2) Khoản phải thu của Bà Hứa Thị Bích Hạnh

Khoản tiền 40.000.000.000 đồng chuyển cho Bà Hạnh theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 để kinh doanh chứng khoán, với thời hạn 12 tháng, Hợp đồng hết hạn từ 31/03/2013 và được gia hạn đến 31/03/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Khoản tiền 16.794.444.446 đồng là tiền lãi tính từ ngày 07/03/2012 đến ngày 31/03/2015 trên khoản tiền chuyển cho Bà Hứa Thị Bích Hạnh theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 16/2012/HĐGV-OCH ngày 06 tháng 03 năm 2012 nêu trên.

(3) Khoản phải thu của Công ty TNHH VNT

Đây là khoản phải thu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 3008/2013/ĐTĐT/VNT-OCH ngày 30/08/2013 để thực hiện Dự án khu số 1 thuộc Khu đô thị mới phía Nam Thành phố Bắc Giang với Công ty TNHH VNT. Ngày 31/08/2016 hai bên đã lập biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty TNHH VNT có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã góp vốn.

(4) Khoản phải thu của Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An

Số tiền 20.000.000.000 đồng là khoản đặt cọc theo hợp đồng số 33/2014/HĐĐC/OCH-TA với Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An ngày 09 tháng 9 năm 2014 để thuê văn phòng. Theo Công văn số 08A/2016/CV-OCH ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hợp đồng đặt cọc đã chấm dứt và Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An phải hoàn lại số tiền đặt cọc trên cho OCH.

Số tiền 1.106.666.666 đồng là lãi phải thu của khoản tiền 20.000.000.000 đồng nêu trên tính từ ngày nhận đặt cọc là ngày 10 tháng 9 năm 2015 đến ngày 22 tháng 02 năm 2016.

Ngày 10/06/2021, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã nhận được Bản án sơ thẩm số 07/2021/KDTM - ST ngày 27/05/2021 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp đòi tiền theo Biên bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH - Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An. Theo quyết định của bản án, Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Trảng An có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH số tiền đặt cọc và tiền lãi phát sinh trên số tiền đặt cọc trên.

5.6.2 Phải thu khác dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Các bên khác</i>	8.825.931.064	(6.255.083.564)	8.022.727.487	(6.255.083.564)
Ký quỹ, ký cược	2.043.572.400	-	1.767.643.923	-
Các khoản khác	6.782.358.664	(6.255.083.564)	6.255.083.564	(6.255.083.564)
Cộng	8.825.931.064	(6.255.083.564)	8.022.727.487	(6.255.083.564)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.7 Nợ xấu

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng	14.496.037.744	(14.459.209.745)	14.496.037.744	(14.459.209.745)
Công ty Cổ phần Thương mại Mika	6.647.496.885	(6.647.496.885)	6.647.496.885	(6.647.496.885)
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.848.540.859	(7.811.712.860)	7.848.540.859	(7.811.712.860)
Phải thu cho vay	204.327.733.073	(7.400.000.000)	204.327.733.073	(7.400.000.000)
Công ty Cổ phần Robot Tosy	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang	162.200.000.000	-	162.200.000.000	-
Các khoản phải thu cho vay khác	36.127.733.073	(1.400.000.000)	36.127.733.073	(1.400.000.000)
Trả trước cho người bán	20.723.485.235	(415.235.235)	20.723.485.235	(415.235.235)
Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (Viptour) (i)	20.300.000.000	-	20.300.000.000	-
Các khoản khác	423.485.235	(415.235.235)	423.485.235	(415.235.235)
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.009.730.656	(3.853.080.337)	3.991.407.688	(3.853.080.337)
Các khoản phải thu khác	1.021.357.324.748	(926.365.114.197)	1.021.357.324.748	(926.365.114.197)
Ông Hà Trọng Nam	586.131.347.928	(586.131.347.928)	586.131.347.928	(586.131.347.928)
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	56.794.444.446	(56.794.444.446)	56.794.444.446	(56.794.444.446)
Công ty TNHH VNT	201.200.820.000	(201.200.820.000)	201.200.820.000	(201.200.820.000)
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác tài sản Tràng An	21.106.666.666	(21.106.666.666)	21.106.666.666	(21.106.666.666)
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Tràng Tiền Nha Trang	35.552.260.551	-	35.552.260.551	-
Phải thu ứng tiền cho các cá nhân tại Công ty Viptour Togi	46.240.000.000	(46.240.000.000)	46.240.000.000	(46.240.000.000)
Các khoản phải thu khác	74.331.785.157	(14.891.835.157)	74.331.785.157	(14.891.835.157)
Cộng	1.264.914.311.456	(952.492.639.514)	1.264.895.988.488	(952.492.639.514)

(i) Số liệu sau khi đã loại trừ 18.267.900.000 đồng trong tài khoản đồng sở hữu giữa Công ty và Công ty Cổ phần Du lịch và Xúc tiến Đầu tư (Viptour) mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương ("OceanBank").

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	952.492.639.514	1.166.667.396.634
Trích/Hoàn nhập trong kỳ	-	(218.145.707.973)
Số dư cuối kỳ	952.492.639.514	948.521.688.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	176.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.605.717.013	-	16.448.437.637	-
Công cụ, dụng cụ	2.348.245.948	-	2.199.049.471	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (1)	218.197.815.757	-	218.099.633.941	-
Thành phẩm	2.168.140.549	-	1.766.228.894	-
Hàng hoá (2)	10.687.709.596	-	10.208.757.044	-
Cộng	253.007.628.863	-	248.722.282.987	-

(1) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí dự án Saigon Airport (tên gọi khác là Dự án Starcity Airport) tại Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Pegasus Thăng Long, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và chi phí xây dựng lũy kế của dự án. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 41/2015/NQ-HĐQT ngày 29/10/2015 thống nhất: Dừng thi công Dự án Khách sạn Saigon Airport Plaza để tìm đối tác chuyển nhượng. Hiện tại dự án đang được thế chấp để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long.

Theo Nghị quyết HĐQT số 06/2019/TLNQ-HĐQT ngày 28/06/2019 của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH thống nhất thoái toàn bộ vốn của Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH tại dự án Starcity Airport (trong đó bao gồm 40% phần vốn của OCH và 60% của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long) với mức giá chuyển nhượng 100% dự án tối thiểu là 322,5 tỷ đồng (đã bao gồm VAT).

(2) Số dư Hàng hóa tại thời điểm 30/06/2021 bao gồm hàng hóa tại các Công ty con giá trị 4.456.625.272 đồng và quyền kinh doanh, khai thác, sử dụng 93 phòng Khách sạn StarCity Nha Trang tại Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH. Khách sạn đã hoàn thành và đưa vào kinh doanh từ ngày 15/01/2016. Tính đến thời điểm 30/06/2021, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã thực hiện bàn giao cho khách hàng 87 phòng, phần còn lại 06 căn Công ty đang tiếp tục tìm kiếm khách hàng để chuyển nhượng các căn hộ trên trong thời gian tới.

5.9 Chi phí trả trước**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí bảo hiểm	293.410.008	488.377.667
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	453.096.163	225.593.862
Chi phí sửa chữa, cải tạo, bảo trì	-	72.831.059
Chi phí trả trước về thuê văn phòng, cửa hàng, nhà xưởng	-	254.379.399
Các khoản khác	1.011.496.541	1.373.690.247
Cộng	1.758.002.712	2.414.872.234

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến tháng 6/2047	4.226.918.303	4.308.205.193
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	2.487.107.122
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.389.405.575	9.021.288.331
Chi phí thuê sàn thương mại (1)	56.957.585.294	57.682.390.196
Chi phí liên quan thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung (2)	60.480.750.378	8.363.636.364
Các khoản khác	32.035.330.389	2.845.668.526
Cộng	156.089.989.939	84.708.295.732

(1) Chi phí thuê sàn thương mại từ tầng 2 đến tầng 4 Tòa nhà VNT Tower tại số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 2512/HĐTVP/OGC-GIVRAL ngày 25 tháng 12 năm 2019 ký giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) và Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con) với tổng diện tích thuê là 3.000m², thời hạn thuê đến hết thời hạn hoạt động của dự án "Công trình nhà ở hỗn hợp, rạp chiếu phim, văn phòng và chung cư" theo giấy chứng nhận đầu tư số 01121000314 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp.

(2) Hợp đồng cho thuê đất giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) và Công ty Cổ phần Bánh Girval về việc cho thuê thửa đất diện tích 18.000,32 m² tại Lô C5, KCN Tân Phú Hưng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP HCM. Bên thuê sử dụng diện tích thuê để thực hiện dự án đầu tư. Thời hạn thuê được xác định từ ngày 24/12/2020 đến ngày 16/12/2054.

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất, Quyền đầu tư dự án VND	Chương trình phần mềm VND	Chi phí thiết kế sản phẩm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2021	70.000.000.000	2.593.384.549	319.436.682	72.912.821.231
Mua trong kỳ	-	244.300.000	-	244.300.000
Số dư tại 30/06/2021	70.000.000.000	2.837.684.549	319.436.682	73.157.121.231
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư tại 01/01/2021	8.860.759.498	1.594.261.654	227.513.409	10.682.534.561
Khấu hao trong kỳ	886.075.950	136.526.694	11.798.675	1.034.401.319
Số dư tại 30/06/2021	9.746.835.448	1.730.788.348	239.312.084	11.716.935.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2021	61.139.240.502	999.122.895	91.923.273	62.230.286.670
Số dư tại 30/06/2021	60.253.164.552	1.106.896.201	80.124.598	61.440.185.351

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 0 VND, tại 01/01/2021 là 0 VND;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 114.000.000 VND, tại 01/01/2021 là 114.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.11 Bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
NGUYÊN GIÁ				
Nhà văn phòng làm việc và nhà xưởng	-	36.155.810.460	-	36.155.810.460
Tại ngày 30/06/2021	-	36.155.810.460	-	36.155.810.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Nhà văn phòng làm việc và nhà xưởng	-	10.758.920.013	-	10.758.920.013
Tại ngày 30/06/2021	-	10.758.920.013	-	10.758.920.013
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Nhà văn phòng làm việc và nhà xưởng	-	25.396.890.447	-	25.396.890.447
Tại ngày 30/06/2021	-	25.396.890.447	-	25.396.890.447

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cơ bản	171.933.317.261	172.037.203.732
Phần mềm kế toán Bravo	147.400.000	147.400.000
Dự án StarCity Westlake Hà Nội (i)	171.184.160.168	171.184.160.168
Chi phí thực hiện dự án khác	601.757.093	705.643.564
Cộng	171.933.317.261	172.037.203.732

(i) Dự án StarCity Westlake Hà Nội được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Viptour - Togi (Công ty con của Công ty).

Tên Dự án: StarCity Westlake Hà Nội;

Địa điểm: Số 10 Trần Vũ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Viptour-Togi;

Tổng mức đầu tư: 230.000.000.000 đồng;

Quy mô dự án: Khách sạn đạt tiêu chuẩn 5 sao, gồm 03 tầng hầm và 09 tầng nổi tương đương với 20.940 m² sàn xây dựng;

Thời gian dự kiến thực hiện: 24 tháng tính từ ngày bàn giao mặt bằng công trình đủ điều kiện thi công và Tổng thầu nhận đủ hồ sơ thiết kế, tạm ứng và thanh toán theo đúng hợp đồng;

Tình trạng thực hiện của dự án: Bắt đầu thi công từ năm 2013, dự án đã xong tầng hầm và bê tông trụ đỡ mái bằng tầng một. Dự án tạm dừng triển khai trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2019.

Tính đến thời điểm hiện tại, nhà thầu Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Xây dựng Key Group đang thực hiện các thủ tục tiếp tục thực hiện phần xây dựng và thiết bị của dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.13 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	823.112.392.654	154.420.446.546	30.417.969.395	859.195.629	7.991.333.484	1.016.801.337.708
Mua trong kỳ	-	758.092.000	2.841.215.454	-	-	3.599.307.454
Thanh lý, nhượng bán	(5.347.055.759)	(2.005.501.787)	-	-	-	(7.352.557.546)
Số dư tại 30/06/2021	817.765.336.895	153.173.036.759	33.259.184.849	859.195.629	7.991.333.484	1.013.048.087.616
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2021	185.811.811.949	108.019.479.092	17.713.443.982	635.310.441	6.557.236.390	318.737.281.854
Khấu hao trong kỳ	11.436.139.361	4.334.438.995	1.591.594.962	50.287.757	364.960.726	17.777.421.801
Thanh lý, nhượng bán	(4.147.118.835)	(2.005.501.787)	-	-	-	(6.152.620.622)
Số dư tại 30/06/2021	193.100.832.475	110.348.416.300	19.305.038.944	685.598.198	6.922.197.116	330.362.083.033
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2021	637.300.580.705	46.400.967.454	12.704.525.413	223.885.188	1.434.097.094	698.064.055.854
Số dư tại 30/06/2021	624.664.504.420	42.824.620.459	13.954.145.905	173.597.431	1.069.136.368	682.686.004.583

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 30/06/2021 là 316.272.673.465 VND, tại 01/01/2021 là 319.835.280.499 VND;

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2021 là 73.342.577.281 VND, tại 01/01/2021 là 67.405.590.450 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.14 Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá hợp lý (i) VND
Các khoản đầu tư khác	47.724.923.959	(79.359)	-	(79.359)
Đầu tư danh mục chứng khoán qua Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (ii)	46.000.000.000			
Đầu tư danh mục chứng khoán khác	1.724.923.959	(79.359)	1.316.589.659	(79.359)
Cộng	47.724.923.959	(79.359)	-	(79.359)

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(ii) Theo hợp đồng quản lý đầu tư số 10/20-01 ngày 27/10/2020 giữa Công ty OCH với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã thực hiện chuyển 46 tỷ đồng để ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen.

003
ÔN
CỔ P
ÁCH
DỊCH
00
XU

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.15 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá hợp lý (i) VND	Giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	88.801.147.484	0	88.801.147.484	0
Công ty Cổ phần dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	88.801.147.484	0	88.801.147.484	0
Cộng	88.801.147.484	0	88.801.147.484	0

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	124.874.700.000	(105.581.887.702)	124.874.700.000	(105.447.784.554)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (i)	4.423.700.000	(399.407.966)	4.423.700.000	(399.407.966)
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội (ii)	11.430.000.000	(3.631.934.223)	11.430.000.000	(3.497.831.075)
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (ii)	74.241.000.000	(67.662.482.372)	74.241.000.000	(67.662.482.372)
Công ty Cổ phần Thương mại Vneco Hà Nội	22.000.000.000	(22.000.000.000)	22.000.000.000	(22.000.000.000)
Công ty Cổ phần Truyền thông TV Shopping	11.250.000.000	(11.250.000.000)	11.250.000.000	(11.250.000.000)
Các khoản đầu tư khác (ii)	1.530.000.000	(638.063.141)	1.530.000.000	(638.063.141)
Cộng	124.874.700.000	(105.581.887.702)	124.874.700.000	(105.447.784.554)

(i) Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

388
H
S
V
H
T
G
19

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.699.071.740	3.464.641.174	5.120.004.513	7.180.782.321	1.791.000.000	495.791.626
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	103.885.311	75.056.191	-	28.829.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.841.640.602	3.213.874.405	5.982.568.080	1.978.463.027	8.606.381.584	6.982.720.440
Thuế thu nhập cá nhân	591.873.177	261.361.165	2.900.861.684	1.731.259.439	28.847.723	867.937.956
Thuế nhà đất và tiền thuế đất (i)	-	108.532.904.952	408.049.500	8.887.425.372	-	100.053.529.080
Các loại thuế khác (i)	-	84.679.197.370	-	5.432.614.804	-	79.246.582.566
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	4.551.341	41.724.879	46.276.220	-	-
Cộng	12.132.585.519	200.156.530.407	14.557.093.967	25.331.877.374	10.426.229.307	187.675.390.788

(i) Tại ngày 30/06/2021, Công ty Cổ phần Viptour - Togi (Công ty con của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH) đang phản ánh một khoản thuế đất phải trả với số tiền 193,2 tỷ đồng bao gồm 108,5 tỷ đồng là tiền thuế đất và 84,6 tỷ đồng là tiền phạt do chậm nộp thuế liên quan đến dự án Khách sạn StarCity Westlake tại số 10 Đường Trần Vũ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHÂN PHỐI
Y
VÀ
70-C

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.17 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	2.705.956.692	2.705.956.692	1.485.804.915	1.485.804.915
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	2.705.956.692	2.705.956.692	1.485.804.915	1.485.804.915
Các bên khác	22.451.223.894	22.451.223.894	27.852.647.119	27.852.647.119
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lan Chinh	1.630.992.000	1.630.992.000	1.584.896.500	1.584.896.500
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất In Hoàng An	1.314.006.567	1.314.006.567	1.086.882.593	1.086.882.593
Ông Phan Đào Sơn	3.922.928.854	3.922.928.854	3.922.928.854	3.922.928.854
Phải trả cho các đối tượng khác	15.583.296.473	15.583.296.473	21.257.939.172	21.257.939.172
Cộng	25.157.180.586	25.157.180.586	29.338.452.034	29.338.452.034

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Trích trước chi phí Công trình Khách sạn StarCity Nha Trang (i)	152.004.003.430	151.923.948.430
Chi phí trích trước khác	20.361.362.634	14.616.853.017
Cộng	172.365.366.064	166.540.801.447

(i) Năm 2016, Công ty TNHH Sao Hôm Nha Trang tạm ghi nhận tăng Nguyên giá tài sản cố định đối với Công trình Khách sạn Starcity Nha Trang theo dự toán. Giá trị tài sản tạm tăng này lớn hơn chi phí xây dựng cơ bản đã tập hợp được. Do đó, Công ty tạm trích trước để hạch toán tăng giá trị tài sản. Hiện nay, việc quyết toán toàn bộ Công trình Khách sạn Starcity Nha Trang giữa Công ty và các nhà thầu chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.19 Phải trả khác

5.19.1 Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	803.535.855	803.535.855	803.535.855	803.535.855
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	803.535.855	803.535.855	803.535.855	803.535.855
Các bên khác	144.767.869.620	144.767.869.620	152.486.949.362	152.486.949.362
Tài sản thừa chờ giải quyết	22.624.430	22.624.430	4.830.262	4.830.262
Kinh phí công đoàn	13.002.232	13.002.232	264.762.285	264.762.285
Bảo hiểm xã hội	49.924.160	49.924.160	44.750.908	44.750.908
Bảo hiểm y tế	31.012.982	31.012.982	6.349.020	6.349.020
Bảo hiểm thất nghiệp	11.733.941	11.733.941	5.354.565	5.354.565
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.830.969.723	6.830.969.723	7.167.450.563	7.167.450.563
Phải trả Công ty TNHH Pegasus Thăng Long (i)	116.042.770.800	116.042.770.800	116.042.770.800	116.042.770.800
Lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long	2.894.920.622	2.894.920.622	2.894.920.622	2.894.920.622
Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	9.633.834.213	9.633.834.213	19.296.734.550	19.296.734.550
Phải trả khác	9.237.076.517	9.237.076.517	6.759.025.787	6.759.025.787
Cộng	145.571.405.475	145.571.405.475	153.290.485.217	153.290.485.217

(i) Công ty và Công ty TNHH Pegasus Thăng Long ("Pegasus Thăng Long") có thỏa thuận hợp tác kinh doanh với các nội dung chính gồm:

- Hai bên hợp tác để cùng nhau đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn nằm trong Dự án Sài Gòn Airport Plaza, tại số 01, đường Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy mô góp vốn: Pegasus Thăng Long góp 60% tổng giá trị góp vốn;
- Thời gian hợp tác kinh doanh: Kể từ ngày ký cho đến khi Các bên đã hoàn thành mọi quyền và nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng và thực hiện thanh lý hợp đồng;
- Phương thức phân chia kết quả: Sau khi Dự án hoàn thành, Pegasus Thăng Long sẽ được hưởng 60% lợi nhuận từ việc khai thác Dự án.
- Theo Nghị quyết HĐQT số 06/2019/TLNQ-HĐQT ngày 28/06/2019 của HĐQT Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH thống nhất thoái 100% vốn của OCH tại dự án Starcity Airport (tương ứng 40% vốn góp vào dự án) với mức giá chuyển nhượng 100% dự án tối thiểu là 322,5 tỷ đồng (đã bao gồm VAT). Trong đó bao gồm 40% phần vốn của OCH và 60% của Công ty TNHH Pegasus Thăng Long.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.19.2 Phải trả khác dài hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên khác	182.097.076.222	182.097.076.222	174.949.408.771	174.949.408.771
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.071.440.840	4.071.440.840	3.756.340.000	3.756.340.000
Lãi vay phải trả Ngân hàng				
Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	177.219.896.926	177.219.896.926	171.193.068.771	171.193.068.771
Phải trả khác	805.738.456	805.738.456	-	-
Cộng	182.097.076.222	182.097.076.222	174.949.408.771	174.949.408.771

Khoản vay của Công ty con: Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang cụ thể như sau:

(ii) Hợp đồng số 0047/2011/HĐTD1-OCEANBANK01 kèm phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng trung, dài hạn số 12-0047/2011/PLHĐTD-OCEANBANK01 ngày 29/05/2020 giữa Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương và Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 342.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư xây dựng Dự án Khách sạn Sao Hôm tại địa chỉ số 72-74 Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;
- + Thời hạn vay: 31/08/2016 đến 28/02/2033;
- + Lãi suất cho vay: thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuê tại địa chỉ số 72-74 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thuộc Dự án Khách sạn Sao Hôm theo giấy chứng nhận đầu tư số 37121000223 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/12/2010;

Số dư lãi vay ngắn hạn phải trả đến 30/06/2021 là: 9.963.834.213 đồng, số dư lãi vay dài hạn phải trả đến 30/06/2021 là: 177.219.896.926 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

5.20 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2021		Trong kỳ		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngân hàng</i>	153.301.588.029	153.301.588.029	-	-	153.301.588.029	153.301.588.029
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	153.301.588.029	153.301.588.029	-	-	153.301.588.029	153.301.588.029
Cộng	153.301.588.029	153.301.588.029	-	-	153.301.588.029	153.301.588.029

Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Sao hôm Nha Trang theo Hợp đồng số 0047/2011/HDDTD1-OCEANBANK kèm các phụ lục sửa đổi bổ sung hợp đồng với các thông tin như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 342 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư xây dựng Dự án Khách sạn Sao Hôm tại địa chỉ số 72-74 Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- + Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;
- + Thời hạn vay: 31/08/2016 đến 28/02/2033;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuê tại địa chỉ số 72-74 Đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa thuộc Dự án Khách sạn Sao Hôm theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 37121000223 do UBND Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/12/2010;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 30/06/2021 là 153.301.588.029 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

5.21 Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND						
Số dư tại 01/01/2020	2.000.000.000.000	-	-	19.738.272.189	6.329.814.592	(798.450.973.396)	(26.454.967.407)	1.201.162.145.978
Chia cổ tức bằng cổ phiếu tại Công ty con	-	4.983.002.620	-	-	-	(4.983.002.620)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	298.381.808.242	(27.116.454.519)	271.265.353.723
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(6.192.377.905)	(13.506.747)	(6.205.884.652)
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	244.744.718	785.726	245.530.444
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(264.009.569)	(264.009.569)
Điều chỉnh do thoái vốn tại Công ty con trong năm	-	-	-	-	-	130.497.655.496	152.049.202.030	282.546.857.526
Điều chỉnh lợi ích tại Công ty Cổ phần Viptour-Togi	-	-	-	-	-	(632.757.776)	632.757.776	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(289.592.345)	(988.988)	(290.581.333)
Số dư tại 31/12/2020	2.000.000.000.000	4.983.002.620	4.983.002.620	19.738.272.189	6.329.814.592	(381.424.495.585)	98.832.818.302	1.748.459.412.118
Số dư tại 01/01/2021	2.000.000.000.000	4.983.002.620	4.983.002.620	19.738.272.189	6.329.814.592	(381.424.495.585)	98.832.818.302	1.748.459.412.118
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(38.678.973.199)	(10.318.920.849)	(48.997.894.048)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(211.208.000)	(211.208.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty OCH	-	-	-	-	-	(1.786.000.000)	-	(1.786.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	103.317.002	605.144.258	708.461.260
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty con	-	-	-	-	-	(4.297.101.357)	(13.857.115)	(4.310.958.472)
Giảm do điều chỉnh lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	(962.811.286)	(3.080.378)	(965.891.664)
Số dư tại 30/06/2021	2.000.000.000.000	4.983.002.620	4.983.002.620	19.738.272.189	6.329.814.592	(427.046.064.425)	88.890.896.218	1.692.895.921.194

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần	119.694.552	1.196.945.520.000	59,85%	119.694.552	1.196.945.520.000	59,85%
Tập đoàn Đại Dương						
Các cổ đông khác	80.305.448	803.054.480.000	40,15%	80.305.448	803.054.480.000	40,15%
Cộng	200.000.000	2.000.000.000.000	100%	200.000.000	2.000.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Phân phối lợi nhuận (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	1.786.000.000	-

Cổ phiếu

	30/06/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	200.000.000	200.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.22 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

5.23.1 Tài sản cho thuê ngoài

Tại Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con)

Công ty đang cho thuê sàn thương mại từ tầng 2 đến tầng 4 Tòa nhà VNT Tower tại số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo các hợp đồng cho thuê.

5.23.2 Tài sản thuê ngoài và cam kết thuê hoạt động

Tại Công ty mẹ

Hợp đồng cho thuê mặt bằng văn phòng giữa Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Hưng Phú và Công ty Cổ Phần Khách sạn và Dịch vụ OCH về việc thuê 505m2 tại Tầng 03 Tòa nhà Grandeur Palace Giảng Võ 138B Giảng Võ, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Bên thuê sử dụng cho mục đích làm văn phòng. Thời hạn thuê xác định bắt đầu ngày 10/03/2021 đến ngày 31/05/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tại Công ty Cổ phần Tân Việt (Công ty con)

Công ty ký Hợp đồng thuê đất Số 66/2004/HĐTĐ với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa ngày 10 tháng 11 năm 2004 tại 12 Đường Trần Phú, Phường Hương Xuân, Thành Phố Nha Trang để sử dụng vào mục đích xây dựng Khách sạn, Dịch vụ Du lịch từ năm 2001 đến năm 2051, Diện tích khu đất thuê là 5.226,8m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty ký Hợp đồng thuê đất Số 75/2004/HĐTĐ với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa ngày 23 tháng 12 năm 2004 tại 14 Đường Trần Phú, Phường Hương Xuân, Thành Phố Nha Trang để sử dụng vào mục đích xây dựng Khách sạn, Nhà hàng và các Dịch vụ Du lịch theo phương án phối hợp khối hai Khách sạn 12 và 14 Trần Phú từ năm 2004 đến năm 2050, Diện tích khu đất thuê là 1.773,5m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại Công ty TNHH MTV Sao Hôm Nha Trang (Công ty con)

Công ty ký Hợp đồng thuê đất Số 90/2011/HĐTĐ với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa ngày 16 tháng 09 năm 2011 tại địa chỉ 72-74 Đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa để sử dụng vào mục đích thực hiện Khách sạn Starcity Nha Trang từ năm 2005 đến năm 2055, Diện tích khu đất thuê là 2.453,4 m². Theo Hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con)

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 02/KCN-HĐTĐ-2021 với Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình ngày 04/04/2011 để thuê khu đất II Lô 1B, Đường Lê Trọng Tấn, KCN Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích khu đất thuê là 5.697,6 m², thời hạn thuê đất đến ngày 17/06/2047. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định.

Công ty ký Hợp đồng thuê sàn thương mại từ tầng 2 đến tầng 4 Tòa nhà VNT Tower tại số 19 Nguyễn Trãi, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 2512/HĐTVP/OGC-GIVRAL ngày 25 tháng 12 năm 2019 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương, diện tích thuê 3000 m², thời hạn thuê đến hết thời hạn hoạt động của dự án (tháng 7 năm 2059). Công ty phải trả tiền thuê sàn thương mại đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định.

Hợp đồng cho thuê đất giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) và Công ty Cổ phần Bánh Givral về việc cho thuê thửa đất diện tích 18.000,32 m² tại Lô C5, KCN Tân Phú Hưng, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP HCM. Bên thuê sử dụng diện tích thuê để thực hiện dự án đầu tư. Thời hạn thuê được xác định từ ngày 24/12/2020 đến ngày 16/12/2054.

Tại Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền (Công ty con của Công ty Cổ phần Bánh Givral)

Công ty Cổ phần Kem Tràng Tiền ký các hợp đồng thuê văn phòng tại số 35 Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và thuê đất, nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Vĩnh Tuy, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội và cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Theo Hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê mặt bằng hàng tháng, quý theo hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại Công ty Cổ phần Viptour Togi (Công ty con)

Công ty ký Hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội theo Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 22/05/2013 để thuê đất tại số 10 Trần Vũ, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 26/03/2009. Hình thức thuê đất trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2021, Công ty vẫn chưa thực hiện thanh toán hết tiền thuê đất cho cơ quan Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng (Công ty con)

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Hưng ký Hợp đồng thuê đất số VSIPBN-LA-0714 ngày 12/04/2011 với Công ty TNHH VIP Bắc Ninh để thuê lô đất 027B, Khu công nghiệp đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, diện tích khu đất thuê là 12.885 m2, thời hạn thuê đất đến ngày 30/11/2057.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	9.114.340.300	3.741.112.541
Doanh thu bán thành phẩm	198.366.922.556	179.202.718.629
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.904.130.530	69.449.743.732
Cộng	<u>218.385.393.386</u>	<u>252.393.574.902</u>

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	342.000.000	471.557.780
Cộng	<u>342.000.000</u>	<u>471.557.780</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Giá vốn của hàng đã bán	6.681.614.572	1.004.939.543
Giá vốn của thành phẩm đã bán	136.181.719.094	117.927.469.798
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	23.117.407.393	63.801.215.227
Cộng	<u>165.980.741.059</u>	<u>182.733.624.568</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.864.787.118	14.182.151.598
Lãi bán các khoản đầu tư	-	259.288.439.190
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	28.920	96.826.698
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	434.656	4.647.702
Doanh thu hoạt động tài chính khác	277.642.900	-
Cộng	9.202.893.594	273.572.065.188

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền vay	6.695.020.297	21.292.005.292
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.970.253	4.429.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	7.727.137	3.628.046
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	134.103.148	75.467.986
Chi phí tài chính khác	137.546.314	184.003.266
Cộng	6.988.367.149	21.559.534.564

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên	16.189.522.407	12.722.894.490
Chi phí vật liệu, bao bì	4.284.836.201	3.718.034.233
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	211.635.825	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	464.752.474	219.829.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.782.835.660	12.036.605.012
Chi phí bằng tiền khác	6.735.823.680	5.127.658.513
Cộng	38.669.406.247	33.825.022.200

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	26.534.396.110	24.457.154.822
Chi phí vật liệu quản lý	-	721.962.759
Chi phí đồ dùng văn phòng	157.402.476	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.647.312	2.159.977.875
Thuế, phí và lệ phí	15.433.113	17.000.000
Chi phí dự phòng	-	6.886.659.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.702.049.638	8.359.312.286
Chi phí bằng tiền khác	24.357.780.014	22.399.230.885
Cộng	53.915.708.663	65.001.298.626

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	401.021.626
Phí sử dụng vốn theo thỏa thuận chấm dứt hợp đồng	1.283.887.804	-
Các khoản khác	69.641.585	136.160.541
Cộng	1.353.529.389	537.182.167

6.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.218.092.127	6.340.000
Các khoản phạt chậm nộp tiền thuê đất (tại Công ty Cổ phần Viptour Togi)	5.432.906.629	5.626.722.688
Các khoản khác	96.289.698	139.250.305
Cộng	6.747.288.454	5.772.312.993

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	1.978.463.027	4.697.372.942
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.978.463.027	4.697.372.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lợi nhuận (Lỗ) sau thuế TNDN	(38.678.973.199)	257.294.877.704
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(38.678.973.199)	257.294.877.704
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	893.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	(193)	1.282
- Lãi suy giảm	(193)	1.282

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH về phương án phân chia lợi nhuận năm 2020 tổng số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.786.000.000 đồng, do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được trừ đi ½ quỹ khen thưởng phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận năm 2020.

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng năm 2020 được tính toán lại theo số trích quỹ khen thưởng phúc lợi được thông qua theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 04 năm 2021. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu 6 tháng năm 2020 từ 1.286 VND xuống 1.282 VND.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.1.1. Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	Công ty mẹ

7.1.2. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
		đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Thành Trung	Chủ tịch HĐQT	600.000.000	600.000.000
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Chủ tịch HĐQT	300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Giang Nam	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên	180.000.000	38.181.818
Tổng		1.620.000.000	1.478.181.818
Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Hương Nga	Trưởng ban	120.000.000	120.000.000
Ông Vũ Xuân Dương	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Tổng		240.000.000	240.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Ông Nguyễn Quang Thành	Tổng Giám đốc	616.100.000	-
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc	211.800.000	48.212.084
Tổng		827.900.000	48.212.084

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

7.1.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020	
	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020	
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con) bán hàng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	342.000.000	471.557.780	
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con) phân bổ tiền thuê văn phòng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	762.993.546		
Công ty Cổ phần Bánh Givral (Công ty con) thuê dịch vụ tư vấn, quản lý của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	788.233.758		
Doanh thu tài chính			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương phải trả lãi vay Công ty Cổ phần Viptour Togi (Công ty con)	1.746.093.937	1.775.679.838	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

7.1.4. Số dư với các bên liên quan

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	565.090.675	565.090.675
Phải thu cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	34.727.733.073	34.727.733.073
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Viptour Togi	19.032.727.044	17.286.693.797
Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (Ngắn hạn)	1.525.987.100	1.525.987.100
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (Dài hạn)	55.360.812.520	56.123.806.070
Phải trả khác ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	803.535.855	803.535.855

7.2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Công ty.

7.3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ OCH đã được kiểm toán, soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



Nguyễn Quang Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2021

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

Phạm Tiến Thành
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa, Thành phẩm VND	Dịch vụ và Doanh thu khác VND	Quyền kinh doanh bất động sản VND	Các khoản loại trừ VND	Tổng cộng VND
Kỳ này					
Tổng doanh thu thuần	203.821.527.037	10.904.130.530	-	-	214.725.657.567
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	203.821.527.037	10.904.130.530	-	-	214.725.657.567
Chi phí trực tiếp					
Chi phí từng lĩnh vực	142.863.333.666	23.117.407.393	-	-	165.980.741.059
	142.863.333.666	23.117.407.393	-	-	165.980.741.059
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	60.958.193.371	(12.213.276.863)	-	-	48.744.916.508

	Hàng hóa, Thành phẩm VND	Dịch vụ và Doanh thu khác VND	Quyền kinh doanh bất động sản VND	Các khoản loại trừ VND	Tổng cộng VND
Kỳ trước					
Tổng doanh thu thuần	182.626.223.951	69.449.743.732	-	-	252.075.967.683
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	182.626.223.951	69.449.743.732	-	-	252.075.967.683
Chi phí trực tiếp					
Chi phí từng lĩnh vực	118.932.409.341	63.801.215.227	-	-	182.733.624.568
	118.932.409.341	63.801.215.227	-	-	182.733.624.568
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	63.693.814.610	5.648.528.505	-	-	69.342.343.115

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ OCH

Tầng 3, Tòa nhà VNT số 19 Nguyễn Trãi, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021
Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hàng hóa, Thành phẩm VND	Dịch vụ và Doanh thu khác VND	Quyền kinh doanh bất động sản VND	Các khoản loại trừ VND	Tổng cộng VND
Số cuối kỳ					
Tổng chi phí mua tài sản cố định	324.631.956.636	1.907.769.142.457	-	430.756.162.495	3.934.776.163
Tài sản trực tiếp của bộ phận					2.663.157.261.588
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					56.893.692
Tổng tài sản	326.053.849.560	1.909.176.539.611	-	430.756.162.495	2.667.148.931.443
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	974.253.010.248	90.187.501.651	-	(153.377.008.065)	911.063.503.834
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					63.189.506.414
Tổng nợ phải trả	974.253.010.248	90.187.501.651	-	(153.377.008.065)	974.253.010.248
Số đầu kỳ					
Tổng chi phí mua tài sản cố định	3.566.902.582	2.155.982.904			5.722.885.486
Tài sản trực tiếp của bộ phận	581.403.759.645	3.183.595.531.675	225.385.931.076	(1.281.927.090.190)	2.708.458.132.206
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					56.893.692
Tổng tài sản	581.403.759.645	3.183.595.531.675	225.385.931.076	(1.281.927.090.190)	2.708.515.025.898
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	56.488.735.598	1.084.003.565.842	1.150.020.402	(244.776.214.476)	896.866.107.366
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					63.189.506.414
Tổng nợ phải trả	56.488.735.598	1.084.003.565.842	1.150.020.402	(244.776.214.476)	960.055.613.780

